TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 6 - 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Nga.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa:

***1. Nguyên đơn*:** Anh Phạm Thanh D, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

***2. Bị đơn*:** Chị Dương Thị B, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Ấp 4, xã Nh, huyện Th, tỉnh Long An. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/01/2019 và bản tự khai, anh Phạm Thanh D là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Dương Thị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 06/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điều không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, không ai nhường nhịn ai. Ngày 10/01/2016, chị B đã bỏ nhà đi không chung sống cùng anh, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn với chị B.

Tại bản tự khai đề ngày 07 tháng 5 năm 2019, bị đơn chị Dương Thị B trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn, chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như anh D đã trình bày. Nay anh D xin ly hôn, chị nhất trí vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đường xa, điều kiện đi lại, công việc khó khăn nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Anh D, chị B thống nhất trình bày, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thế H, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Phạm Thế V, sinh ngày 29/3/2015. Hiện cả hai cháu đang ở với anh D từ năm 2016 cho đến nay. Khi ly hôn anh D, chị B cùng có ý kiến giao cả hai cháu cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng cho con. Hiện chị B không mang thai.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định pháp luật và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh D và chị Dương Thị B. Về con chung: Giao cháu Phạm Thế H, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Phạm Thế V, sinh ngày 29/3/2015 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh D. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm để nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Thanh D; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Dương Thị B; địa chỉ: Ấp 4, xã Nh, huyện Th, tỉnh Long An. Anh D, chị B tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nơi cư trú của nguyên đơn để giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Dương Thị B là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Thanh D và chị Dương Thị B kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 06/9/2010 tại UBND xã L, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 06 năm thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Ngày 10/01/2016, chị B bỏ đi không chung sống cùng anh D. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh D ly hôn, chị B nhất trí, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét việc thuận tình ly hôn là tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh D và chị B có 02 con chung là cháu Phạm Thế H, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Phạm Thế V, sinh ngày 29/3/2015. Các cháu ở với anh D từ năm 2016 cho đến nay, được anh D nuôi dưỡng, bảo đảm tốt về mọi mặt. Khi ly hôn, anh D và chị B thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao cháu H và cháu V cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị B không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh D. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hiện chị B không mang thai.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Anh D và chị B thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu một nửa án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh D xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Anh D xin chịu thay cho cả án phí ly hôn sơ thẩm của chị B). Xét thấy yêu cầu của anh D là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh D và chị Dương Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thế H, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Phạm Thế V, sinh ngày 29/3/2015 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh D.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Phạm Thanh D chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Anh D xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của chị B). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001477 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh D đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Thanh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Dương Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Ba Sao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Nguyệt